

**CÔNG TY TNHH KHĂN BÔNG HỒNG ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHĂN BÔNG HỒNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG ANH TOWELS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107603201

**3. Ngày thành lập:** 19/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 1, ngách 495/3 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0437970435

Fax: 0437970436

Email: [khanbonghonganh@gmail.com](mailto:khanbonghonganh@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                         | 0240        |
| 2.  | Khai thác thủy sản biển                                                                              | 0311        |
| 3.  | Khai thác thủy sản nội địa                                                                           | 0312        |
| 4.  | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                             | 0321        |
| 5.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                          | 0322        |
| 6.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                             | 1812        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663        |
| 8.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 9.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                     | 4771        |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                | 4100        |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                            | 4210        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                         | 4220        |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4290        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321        |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                        | 4610        |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                               | 4620        |
| 18. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                 | 4641(Chính) |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                   | 4649        |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                | 4932 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                       | 8230 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299 |
| 25. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư                                                                                                                            | 6619 |
| 26. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý, môi giới và sàn giao dịch bất động sản                                                                  | 6820 |
| 27. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                             | 7730 |
| 29. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế                                                                                                                              | 7911 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ KIM DUNG     | Số 8 đường Đốc Ngừ, Phường Tân Hòa, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam                        | 1.000.000.000         | 33,333    | 113369293                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐẶNG QUỐC PHONG | Số 1 ngách 495/3 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.000.000.000         | 66,667    | 012198208                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ KIM DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 28/12/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 113369293

Ngày cấp: 18/11/2013

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 8 đường Đốc Ngừ, Phường Tân Hòa, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 1, ngách 495/3 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội